



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

Ngày 30/09/2025	12,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-5.9%

DT thuần Q3/25
2,472
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,360 -35.5%
YoY: ▲ 96.0 4.0%

LN thuần Q3/25
-9.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼365 -103%
YoY: ▼5.76 -171%

LN sau thuế Q3/25
-2.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▼326 -101%
YoY: ▼10.8 -137%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
1.2%
YoY: +/- ▼ 9.2%

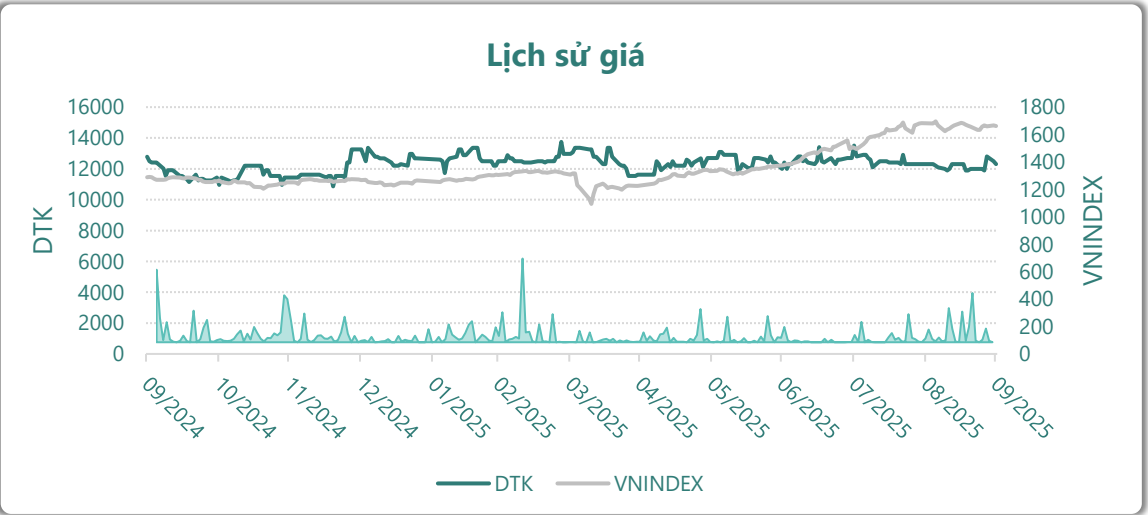
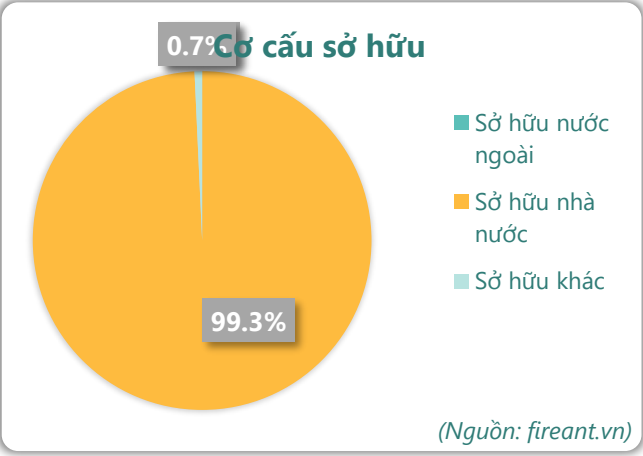
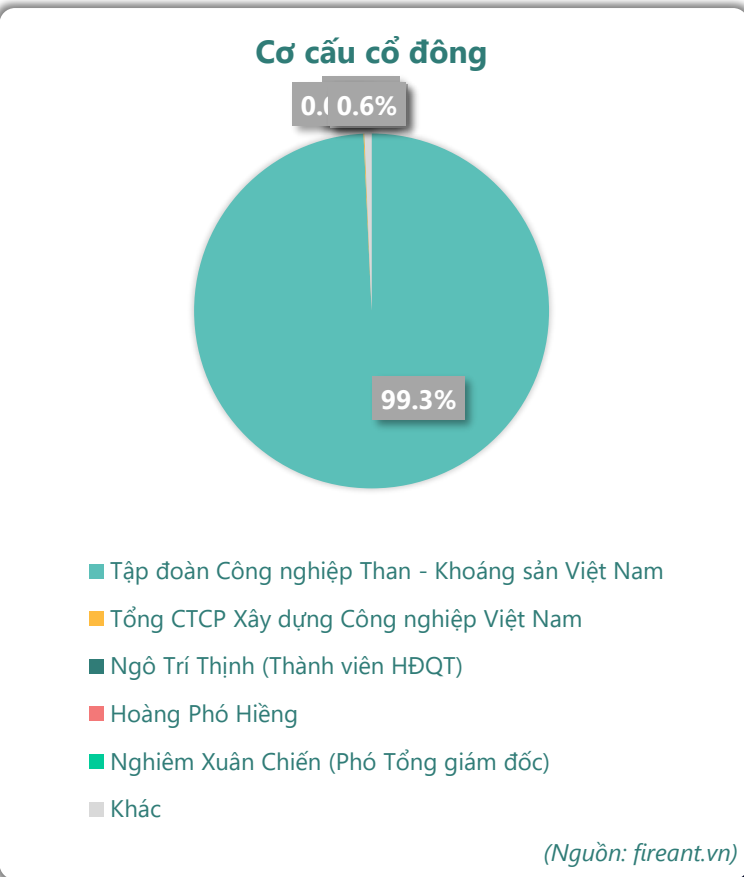
ROE (TTM) Q3/25
9.0%
YoY: +/- ▼ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,862 - 13,746
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,398
Số lượng CPLH (CP)	682,767,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,410
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	1,117
P/E	11.0

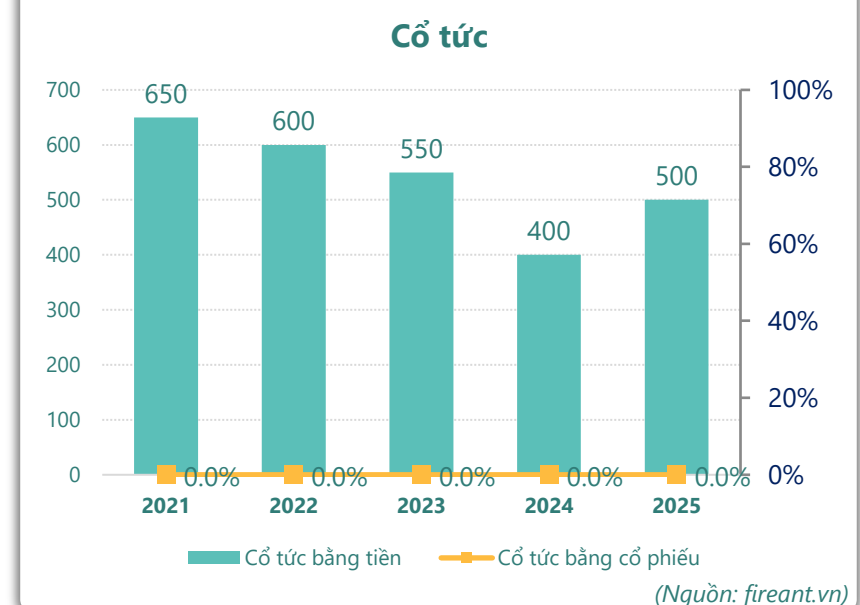
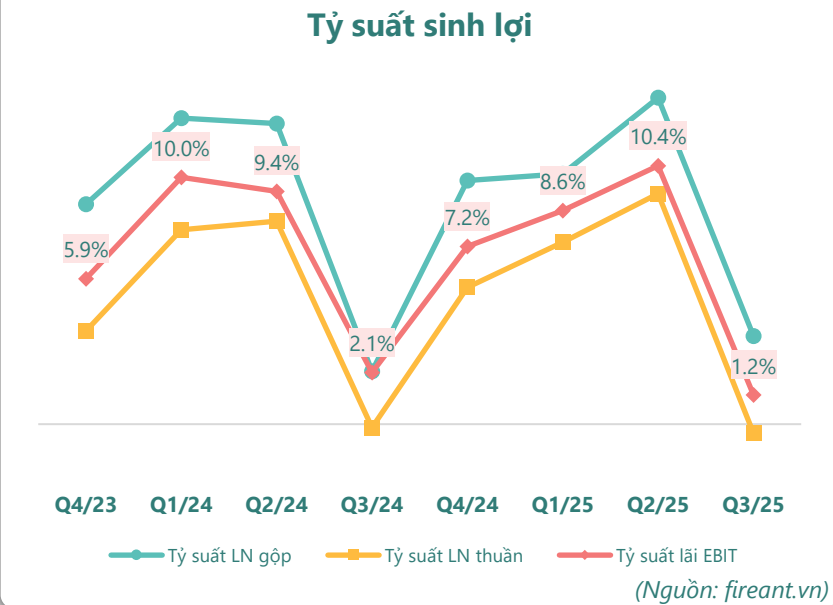
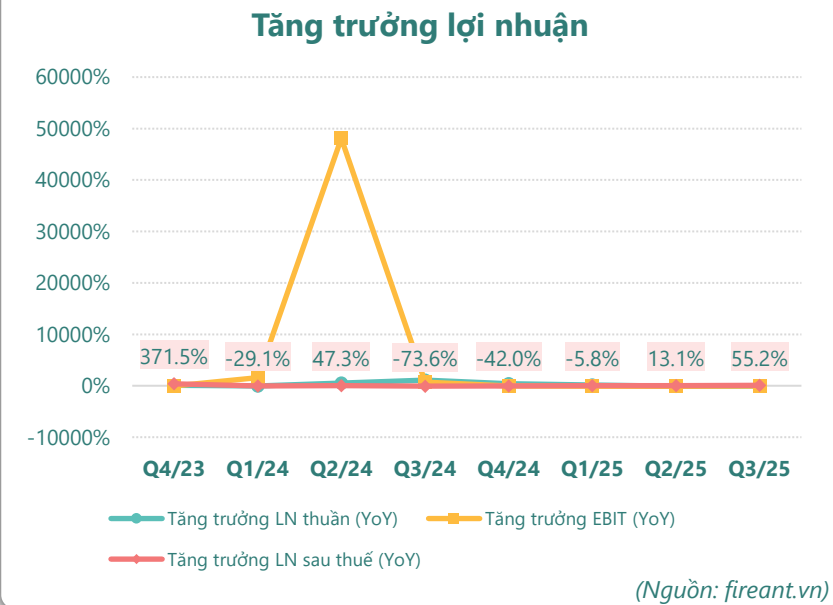
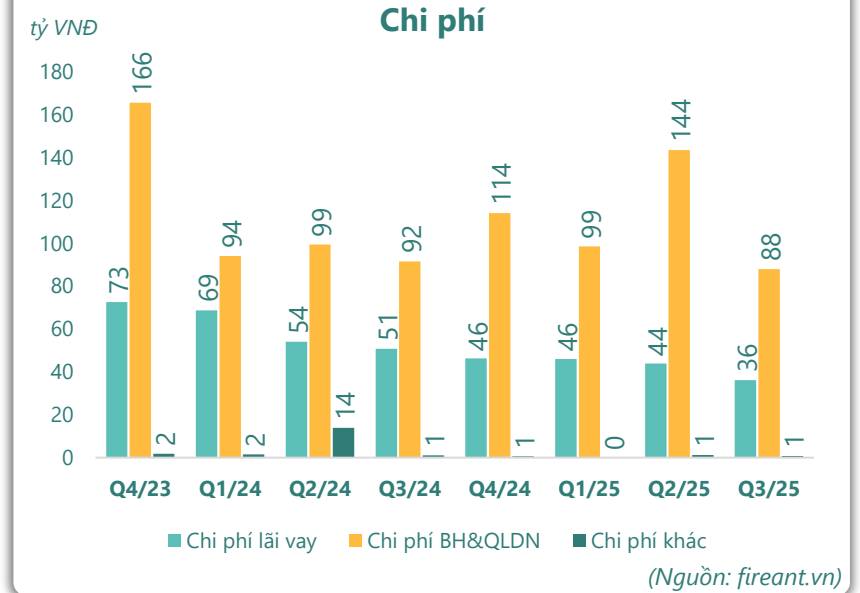
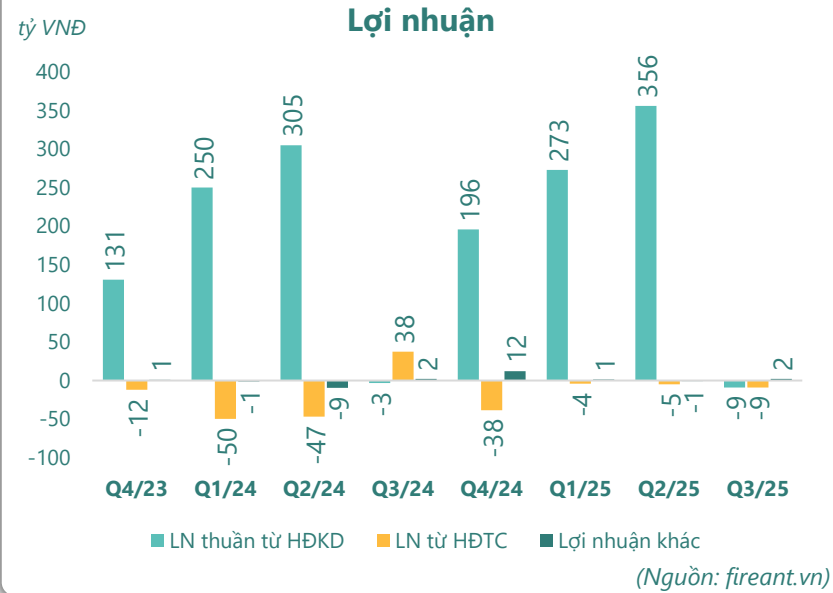
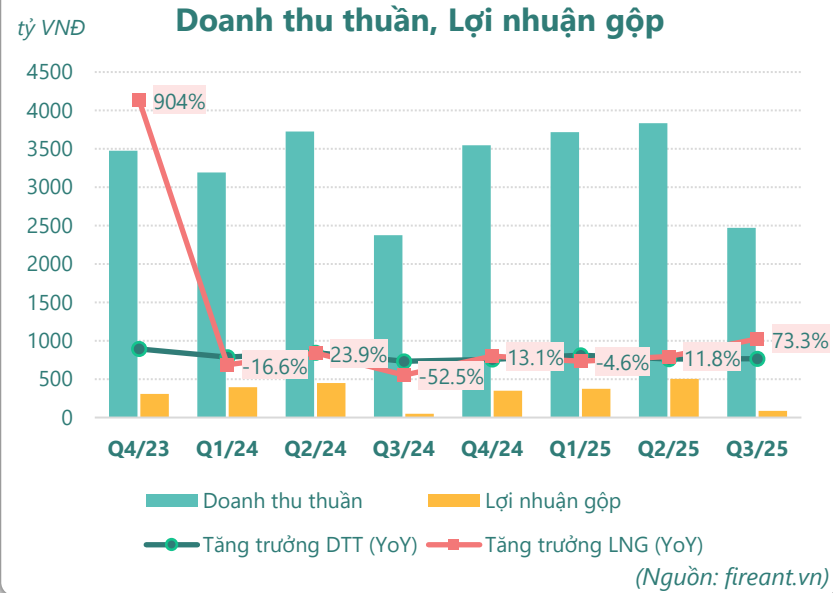
DT thuần 9T 2025
10,023
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 731 7.9%

LN thuần 9T 2025
620
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 68.0 12.4%

LN sau thuế 9T 2025
572
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 73.0 14.6%



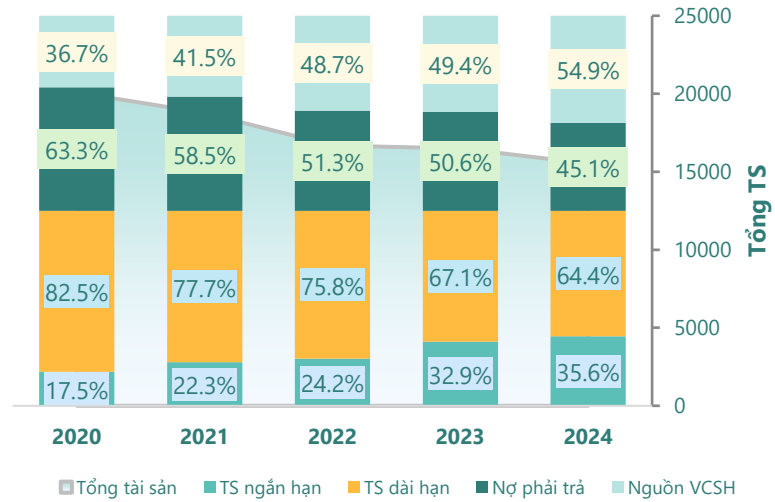
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

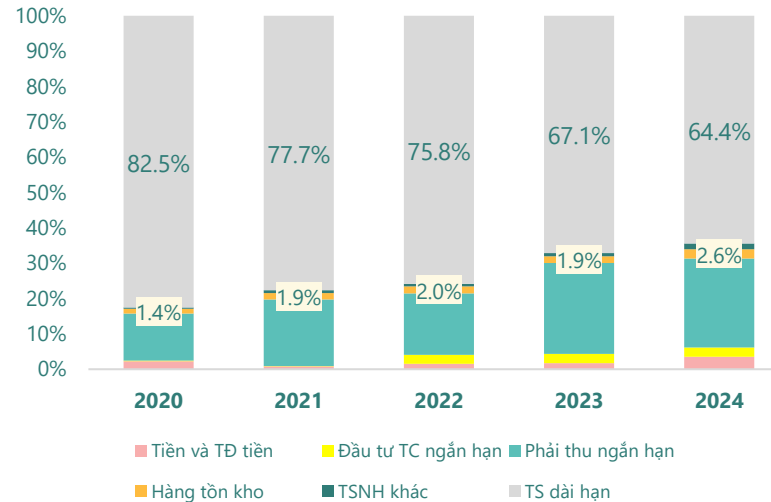
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

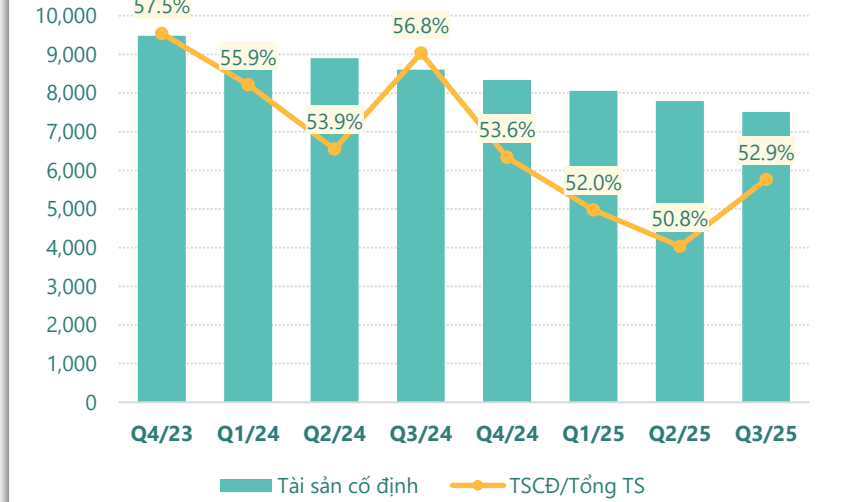
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

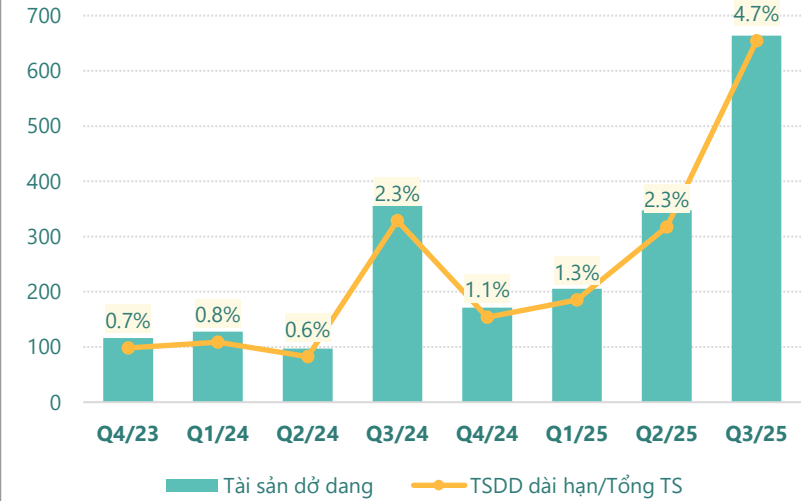
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

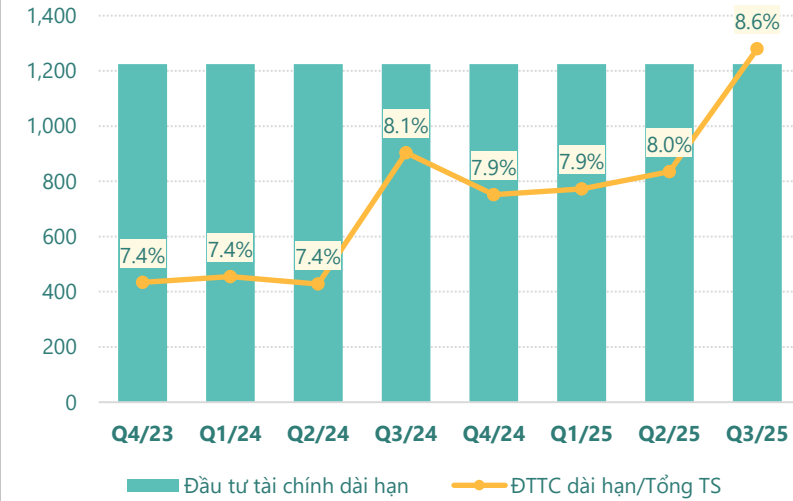
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

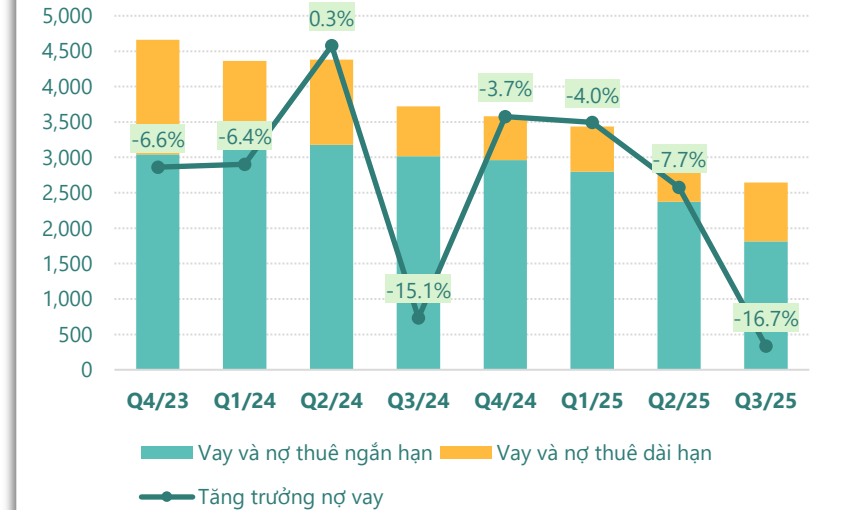
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

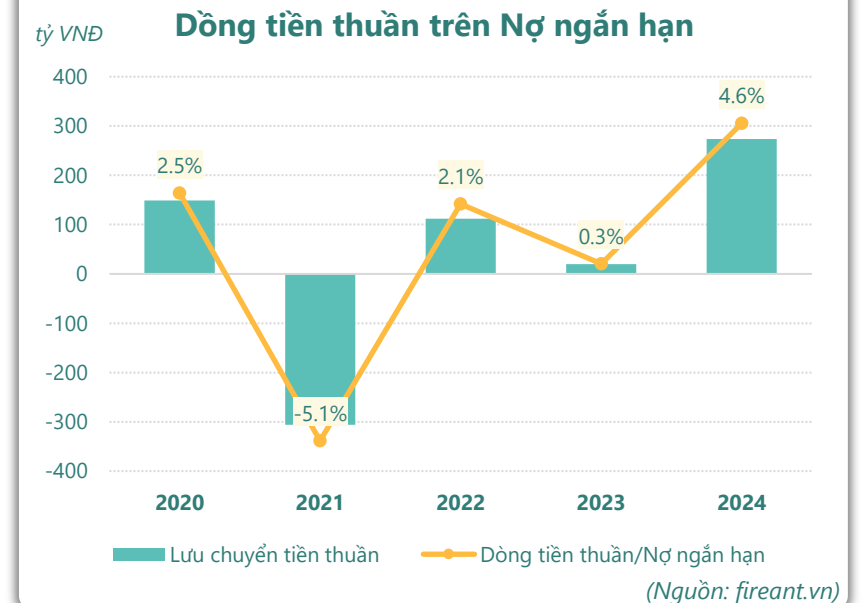
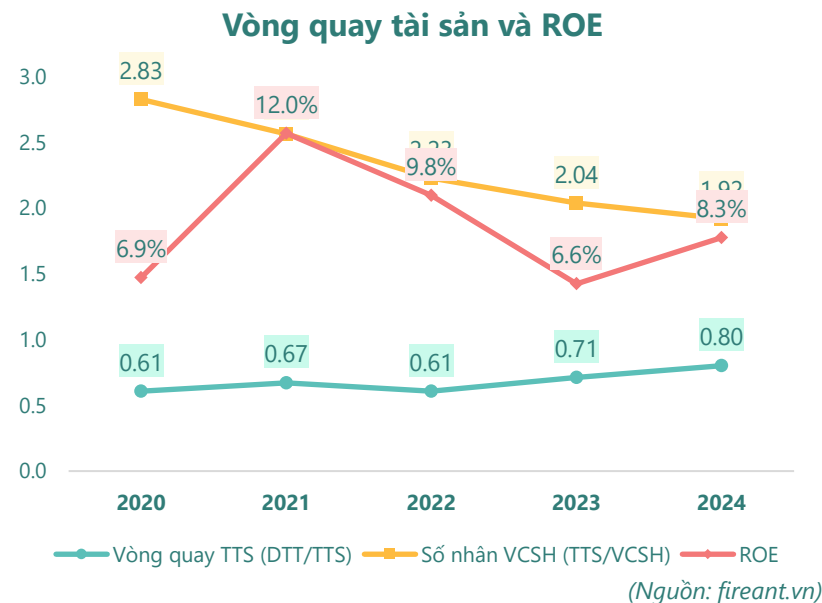
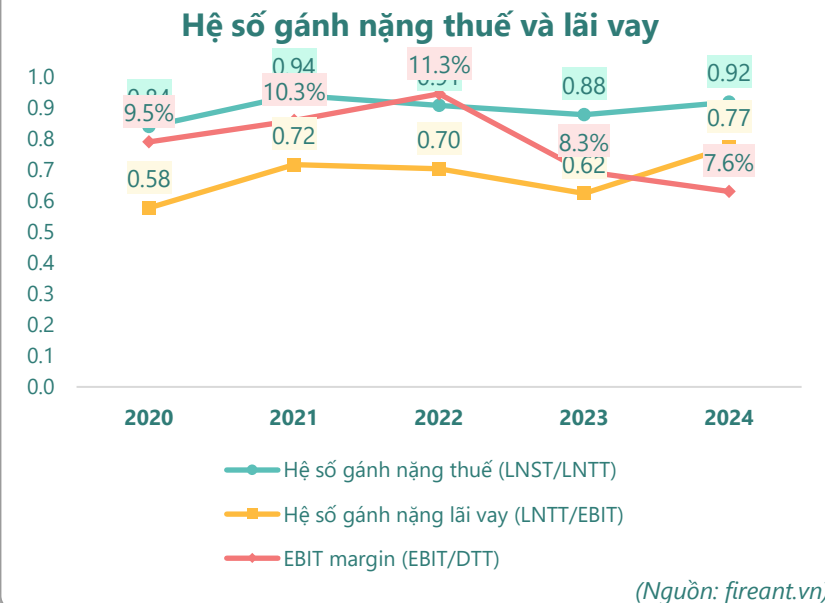
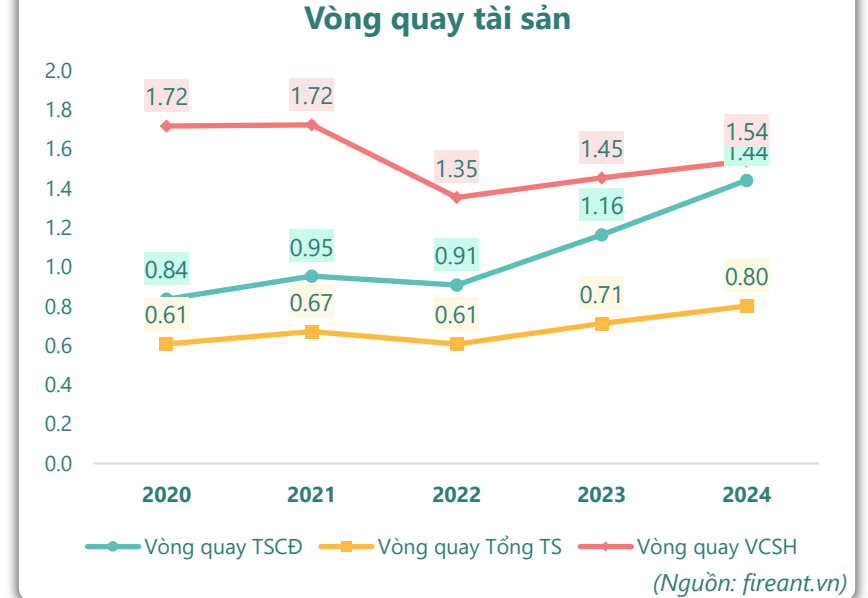
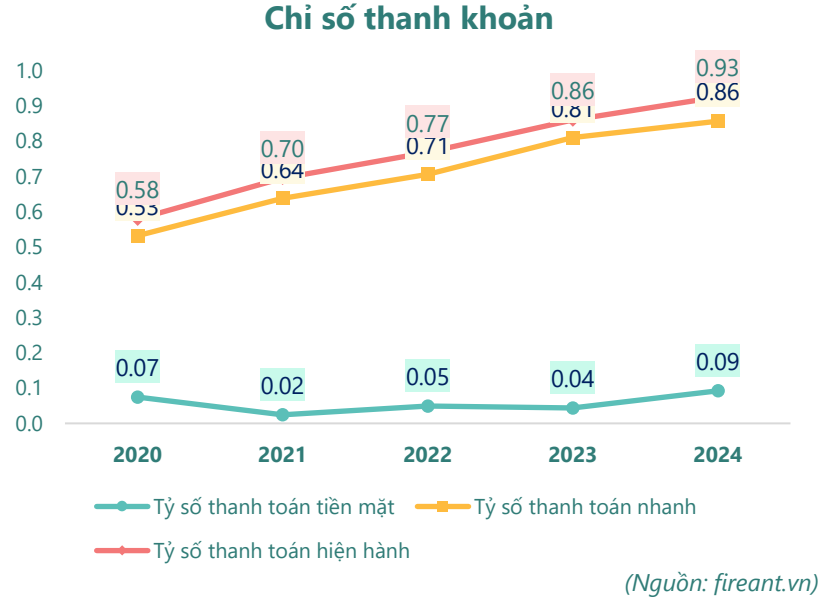
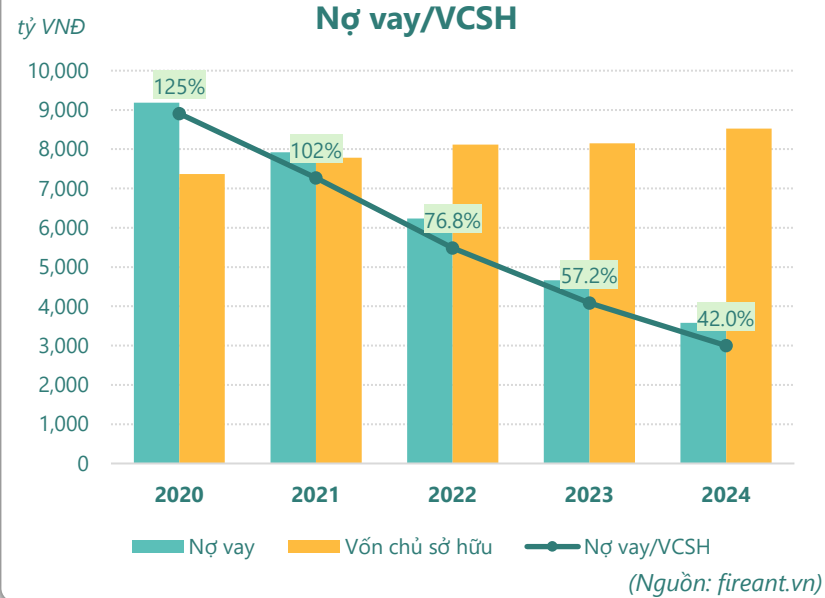
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,472	2,376	4.0%	10,023	9,292	7.9%
Giá vốn hàng bán	2,384	2,325	2.5%	9,055	8,396	7.8%
Lợi nhuận gộp	87.9	50.7	73.5%	968	896	8.1%
Doanh thu HĐTC	30.9	52.4	-41.0%	137	164	-16.5%
Chi phí TC	40.0	14.9	168%	155	223	-30.4%
Chi phí lãi vay	36.2	50.9	-28.9%	126	174	-27.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	-0.17	114%	0.08	0.96	-91.7%
Chi phí QLDN	88.0	91.8	-4.2%	330	284	16.1%
LN thuần từ HĐKD	-9.13	-3.37	-171%	620	552	12.4%
Lợi nhuận khác	2.06	2.04	0.8%	2.58	-8.38	131%
LN trước thuế	-7.07	-1.32	-436%	623	544	14.6%
Lợi nhuận sau thuế	-2.93	7.91	-137%	572	499	14.6%
LNST của CĐ cty mẹ	-3.20	7.15	-145%	570	500	14.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	169	665	682	-524	2,095	749
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-240	35.2	-294	271	-1,377	-187
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-41.1	-877	-138	-146	-609	-522
Tiền đầu kỳ	586	473	297	552	153	262
Lưu chuyển tiền thuần	-113	-177	250	-398	109	39.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	473	297	547	153	262	302

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	14,196	15,531	-8.6%
Tài sản ngắn hạn	4,513	5,527	-18.3%
Tiền và tương đương tiền	302	552	-45.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,406	400	252%
Phải thu ngắn hạn	2,215	3,910	-43.3%
Hàng tồn kho	397	410	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	192	256	-24.7%
Tài sản dài hạn	9,683	10,004	-3.2%
Phải thu dài hạn	33.3	32.1	3.9%
Tài sản cố định	7,511	8,327	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	664	172	286%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,225	1,225	0.0%
Tài sản dài hạn khác	249	248	0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,510	7,007	-21.4%
Nợ ngắn hạn	4,242	5,973	-29.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,814	2,962	-38.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,867	2,716	-31.3%
Nợ dài hạn	1,268	1,034	22.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	830	620	33.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,686	8,524	1.9%
Vốn chủ sở hữu	8,686	8,524	1.9%
Vốn điều lệ	6,828	6,828	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

